

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/2009/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2009

THÔNG TƯ

**quy định thực hiện Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 27/10/2006
của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản
của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển (gọi tắt là Nghị định số 123/2006/NĐ-CP),

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 123/2006/NĐ-CP như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 123/2006/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản trên các vùng biển.

Điều 2. Quy định chi tiết điểm a, khoản 4, Điều 5 về hoạt động khai thác thủy sản tại tuyến khơi trong vùng biển Việt Nam

Đối với tàu cá có tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa trở lên làm các nghề câu, rê, vây, chụp mực khi hoạt động ở tuyến khơi phải có đủ điều kiện an toàn ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và trang thiết bị an toàn tối thiểu trên tàu cá đối với các tàu hoạt động ở vùng biển trên 24 hải lý theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/ND-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (gọi tắt là Thông tư số 02/2007/TT-BTS).

Điều 3. Quy định chi tiết Điều 6 về điều kiện hoạt động khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam

Tàu cá đi hoạt động khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam phải trang bị tối thiểu các thiết bị an toàn cho người và tàu cá, thông tin liên lạc đối với các tàu cá hoạt động ở vùng biển trên 50 hải lý theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS.

Điều 4. Quy định chi tiết Điều 7 về trình tự, thủ tục cấp các giấy tờ có liên quan cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam

1. Trình tự, thủ tục cấp các giấy tờ có liên quan cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam

a) Chủ tàu cá gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 123/2006/NĐ-CP đến Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản);

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi

thủy sản phải xem xét và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển hồ sơ về Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản xem xét hồ sơ, cấp và chuyển các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 123/2006/NĐ-CP cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Nếu không cấp các giấy tờ này Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải có văn bản trả lời chủ tàu cá và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được các giấy tờ do Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chuyển về, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải thông báo cho chủ tàu đến nhận;

đ) Khi nhận các giấy tờ do Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp. Chủ tàu phải nộp lại các giấy tờ có liên quan đến hoạt động của tàu cá đã được cấp trước đây cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nơi đăng ký tàu cá gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bản chính);

- Giấy chứng nhận an toàn tàu cá (bản chính);

- Giấy phép khai thác thủy sản (bản chính nếu có).

Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản có trách nhiệm lưu trữ các giấy tờ liên quan đến hoạt động của tàu cá mà chủ tàu đã nộp lại.

Mẫu biểu, giấy tờ có liên quan cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam được quy định tại:

- Phụ lục 1: Đơn đề nghị cấp các giấy tờ cho tàu cá hoạt động khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam;
- Phụ lục 2: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;
- Phụ lục 3: Giấy chứng nhận Quốc tịch tàu;
- Phụ lục 4: Giấy phép cho tàu đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam;
- Phụ lục 5: Danh sách thuyền viên.

2. Thủ tục và trình tự cho phép tàu cá trở về và cấp lại các giấy tờ có liên quan cho tàu hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam

a) Sau khi kết thúc Hợp đồng hợp tác khai thác thủy sản giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với đối tác nước ngoài, chủ tàu muốn đưa tàu về hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải nộp hồ sơ về Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (thông qua Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản). Hồ sơ gồm các loại giấy tờ sau:

- Đơn đề nghị cho phép tàu cá trở về và cấp lại các giấy tờ có liên quan để tàu

cá hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam (Phụ lục 6);

- Biên bản thanh lý Hợp đồng Hợp tác khai thác thủy sản với đối tác nước ngoài (bản chính tiếng Việt hoặc bản sao dịch sang tiếng Việt có công chứng);

- Các giấy tờ đã được Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp cho tàu đi khai thác ở ngoài vùng biển Việt Nam (trường hợp bị mất các Giấy tờ đã được cấp, Chủ tàu phải có đơn trình bày, lý do mất, được các cơ quan Công an hoặc Biên phòng nơi bị mất xác nhận).

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải chuyển hồ sơ về Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải có văn bản chấp thuận và chuyển về Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời chủ tàu bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận của Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chuyển về, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải thông báo cho chủ tàu biết và tiến hành làm các thủ tục khôi phục lại hoạt động của tàu;

đ) Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tiến hành thực hiện công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật cho tàu cá, cấp các giấy tờ có liên quan theo thẩm quyền để khôi phục lại hoạt động cho tàu cá theo quy định;

e) Trong trường hợp Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản làm mất các giấy tờ lưu giữ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 của Điều này, ngoài việc thực hiện các quy định tại Điểm đ, khoản 2 của Điều này, Chi cục phải cấp Giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời, đồng thời thông báo ba lần trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc mất các Giấy tờ nói trên. Sau 15 ngày kể từ lần thông báo lần cuối cùng, nếu không có tranh chấp, Giấy đăng ký tàu cá trước đây sẽ hết hiệu lực, Chi cục tiến hành cấp Giấy đăng ký tàu cá mới cho chủ tàu. Nếu xảy ra tranh chấp Chi cục phải chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp này.

Điều 5. Quy định chi tiết khoản 4, Điều 8 về trách nhiệm của Tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, ghi, nộp, xử lý số liệu, mẫu của Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng, người lái tàu cá:

a) Thuyền trưởng có trách nhiệm ghi Nhật ký khai thác và viết báo cáo khai thác theo mẫu được phát; Người lái tàu cá (đối với tàu dưới 20 CV) phải viết báo

cáo tình hình khai thác theo mẫu được phát;

b) Chủ tàu hoặc thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải nộp Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác mỗi quý một lần vào tuần đầu tiên của quý sau (tuần đầu của các tháng 4, 7, 10 và tháng 01 năm sau) và nộp tại địa điểm quy định:

- Nộp trực tiếp cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (nơi quản lý phương tiện mình); hoặc Ban quản lý bến, cảng cá (nơi cảng cá, bến cá có Ban quản lý);

- Tại khu vực các bãi ngang, các đảo nhỏ nếu thuyền trưởng hoặc chủ tàu không có điều kiện nộp Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác tại các điểm quy định ở trên thì có thể nộp cho Ủy ban nhân dân xã nơi đó.

2. Trách nhiệm của Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Chi cục khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản các tỉnh:

a) Tổ chức, hướng dẫn thuyền trưởng, người lái tàu cá cách ghi Nhật ký khai thác thủy sản và Báo cáo khai thác thủy sản cho tàu khai thác thủy sản do mình quản lý, cấp Giấy phép khai thác thủy sản;

b) Tổ chức, thông báo các điểm thu Nhật ký khai thác và Báo cáo Khai thác, phát mẫu Nhật ký khai thác và mẫu báo cáo khai thác. Xác nhận đã nộp Nhật ký

Khai thác và Báo cáo khai thác của tàu. Mẫu Nhật ký khai thác, Báo cáo khai thác được phát cho tàu cá theo nghề ghi trong Giấy phép khai thác thủy sản của phương tiện;

c) Nhập số liệu trong Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác do đơn vị mình thu thập được vào cơ sở dữ liệu, định kỳ vào trước ngày thứ 6 của tuần thứ 3 của các tháng 4, 7, 10 và tháng 01 năm sau. Chuyển số liệu của quý về Viện Nghiên cứu Hải sản vào tuần đầu tiên của quý sau;

d) Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chủ trì phối hợp với Viện nghiên cứu Hải sản xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng quy trình nhập và xử lý số liệu; đào tạo, tập huấn cho cán bộ địa phương trong việc nhập, xử lý, tổng hợp số liệu từ Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác; viết báo cáo tình hình khai thác thủy sản của địa phương từ cơ sở dữ liệu; kiểm tra, đôn đốc các Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản địa phương trong việc ghi tổ chức ghi, nộp, xử lý số liệu từ Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác;

đ) Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản các tỉnh tổng hợp số liệu báo cáo tình hình hoạt động khai thác thủy sản; tình hình quản lý và cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này. Báo cáo của quý trước gửi về Sở Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn và Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản trước thứ 6 của Tuần thứ ba các tháng của các tháng 4, 7, 10 và tháng 01 năm sau.

3. Trách nhiệm Viện Nghiên cứu Hải sản

a) Tiếp nhận, quản lý cơ sở dữ liệu khai thác thủy sản thu thập được từ Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác từ các địa phương chuyển về;

b) Chủ trì xử lý, tổng hợp số liệu từ Nhật ký khai thác, Báo cáo khai thác của các đơn vị chuyển về và báo cáo kết quả cho Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

c) Nghiên cứu, xây dựng dự báo ngư trường và nguồn lợi, phối hợp Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản để công bố kết quả dự báo.

4. Mẫu Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác

a) Phụ lục 7a: Mẫu Nhật ký khai thác thủy sản cho nghề lưới câu;

b) Phụ lục 7b: Mẫu Nhật ký khai thác thủy sản cho nghề lưới vây;

c) Phụ lục 7c: Mẫu Nhật ký khai thác thủy sản cho nghề lưới rê;

d) Phụ lục 7d: Mẫu Nhật ký khai thác thủy sản cho nghề lưới kéo;

đ) Phụ lục 7e: Mẫu Nhật ký khai thác thủy sản cho nghề lưới khác;

c) Phụ lục 8: Mẫu Báo cáo khai thác.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí để in ấn, xử lý số liệu Nhật ký khai thác và Báo cáo khai thác thủy sản được lập dự toán, bổ sung vào kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị được giao nhiệm vụ in ấn, cấp phát và xử lý số liệu Nhật ký khai thác thủy sản và Báo cáo khai thác thủy sản. Các đơn vị chức năng lập dự toán ngân sách chi vào hoạt động thường xuyên của đơn vị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Vụ, Cục, Thanh tra, Viện, Trung tâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình đôn đốc, kiểm tra thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

PHỤ LỤC

(các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và Phụ lục 9 ban hành kèm theo
Thông tư số 63/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2009
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phụ lục 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY TỜ

Cho tàu cá hoạt động khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam

Kính gửi: Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Tôi tên là:.....

Số CMND (hoặc số hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....

Ngày cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Là chủ tàu mang số đăng ký:.....

Đề nghị Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp các loại giấy tờ quy định tại khoản 2, Điều 7, Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2006 về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển cho Tàu cá số:...../.

XÁC NHẬN CƠ QUAN QUẢN LÝ
KHAİ THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI
THỦY SẢN ĐỊA PHƯƠNG
(Ký tên đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

09611343

Phụ lục 2

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT
CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ
NGUỒN LỢI THỦY SẢN
DEPARTMENT OF CAPTURE
FISHERIES AND RESOURCES
PROTECTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



Số/Number:.....

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ
FISHING VESSEL SAFETY CERTIFICATE

Căn cứ vào Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đảm bảo cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

Pursuant to Decree No 66/2005/NĐ-CP dated on 19/5/2005 by the Government of the Socialist Republic of Vietnam on ensuring the operation for fishing vessels and people.

Căn cứ vào biên bản Kiểm tra kỹ thuật số:, ngày tháng năm của

Pursuant to technical check paper no:, date month year by.....

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN CHỨNG NHẬN:
DEPARTMENT OF CAPTURE FISHERIES AND RESOURCES
PROTECTION CERTIFIES THAT:

Tên tàu:..... Name of vessel:.....	Hồ hiệu tàu:..... Signal letter:.....
---------------------------------------	--

Số đăng ký:..... Number of registry:.....	Công dụng:..... Intended Use of Vessel:.....
Năm đóng:..... Year of build:.....	Nơi đóng:..... Place of build:.....
Cảng đăng ký:..... Port of registry.....	Vật liệu tàu:..... Material of vessel:.....
Tổng trọng tải:..... Gross Tonnage.....	Tải trọng tịnh:..... Net Tonnage:.....
Chiều dài/rộng/cao(mét) Length/Breadth/ Draught (metter):	Công suất máy chính(CV)/Power of Main Engine:
	Số máy/Number of engine:.....
Chủ tàu:..... Địa chỉ:..... Address:.....	Owner of Vessel.....

Đảm bảo an toàn kỹ thuật hoạt động tại vùng biển:

Ensuring for fishing vessel safety at:.....

Giấy chứng nhận có giá trị đến hết ngày.... tháng.... năm.....

Expire date /..... /.....

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....

Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG
Director
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT
CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ
NGUỒN LỢI THỦY SẢN
DEPARTMENT OF CAPTURE
FISHERIES AND RESOURCES
PROTECTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



Số/Number:

GIẤY CHỨNG NHẬN QUỐC TỊCH TÀU
CERTIFICATE OF VESSEL'S NATIONALITY

Căn cứ vào Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 27/10/2006 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của cá chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển,

Pursuant to Decree No. 123/2006/NĐ-CP dated on 27/10/2006 by the Government of the Socialist Republic of Vietnam on the management of capture fisheries activities for Vietnamese organizations and individuals at the seas,

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN CHỨNG NHẬN
QUỐC TỊCH VIỆT NAM CHO:
DEPARTMENT OF CAPTURE FISHERIES AND RESOURCES PROTECTION
HERE BY CERTIFIES VIETNAM VESSEL'S NATIONALITY:

Tên tàu:.....	Hồ hiệu tàu:.....
Name of vessel:.....	Signal letter:.....
Số đăng ký.....	Công dụng:.....
Number of registry:.....	Intended Use of Vessel:.....
Nơi đăng ký (Place to register)	

096411113

Chiều dài/rộng/cao(mét) Length/Breadth/ Draught (metter):.....	Vật liệu tàu:..... Material of vessel:.....
Số máy/Number of engine:	Công suất máy chính (CV)/Power of Main Engine:
Chủ tàu:.....	Owner of Vessel.....
Địa chỉ:.....	
Address:.....	

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG

Director

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT
CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ
NGUỒN LỢI THỦY SẢN
DEPARTMENT OF CAPTURE
FISHERIES AND RESOURCES
PROTECTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



Số/Number:.....

**GIẤY PHÉP CHO TÀU CÁ ĐI KHAI THÁC THỦY SẢN
Ở NGOÀI VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

**CERTIFICATE OF FISHING VESSELS TO OPERATE IN AREAS
BEYOND OF SEAWATER OF VIETNAM**

Căn cứ vào Luật thủy sản;

Pursuant to the Fishery law;

Căn cứ vào Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 27/10/2006 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Pursuant to Decree No. 123/2006/NĐ-CP dated on 27/10/2006 by the Government of the Socialist Republic of Vietnam on the management of capture fisheries activities for Vietnamese organizations and individuals at the seas;

Căn cứ Hiệp định hợp tác khai thác thủy sản giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với quốc gia..... hoặc Hợp đồng số:..... giữa..... với..... được cơ quan có thẩm quyền quốc gia có biển chấp thuận;

Pursuant to Cooperation Agreement between the Socialist Republic of Vietnam and..... or Contract number..... between..... and..... Agreed by authorized agency of a coastal country;

Theo đề nghị của chủ tàu,

By proposal of vessel owner,

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN CHO PHÉP:
DEPARTMENT OF CAPTURE FISHERIES AND RESOURCES
PROTECTION PERMITS:

Chủ tàu (Owner):.....

Địa chỉ thường trú (Address):.....

Điện thoại (Tel):....., Fax:.....

Tên tàu (Name of owner):..... Số đăng ký (No of register):.....

Cảng, bến đăng ký (Fishing port of registration):.....

Nghề chính (Main gear)..... Nghề phụ (Other gear):.....

Được đi khai thác thủy sản tại vùng biển.....

Operate at.....

Thời gian: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

From date:..... month..... year..... to date:..... month..... year.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG

Director

(Ký tên, đóng dấu)

09611343

Phụ lục 5

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT
CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ
NGUỒN LỢI THỦY SẢN
DEPARTMENT OF CAPTURE
FISHERIES AND RESOURCES
PROTECTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



Số/Number:.....

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

Những người có tên trong danh sách sau là thuyền viên làm việc trên tàu cá mang số đăng ký....., quốc tịch Việt Nam.

Persons in the list are the members working on on board vessel number....., Vietnamese Nationality.

TT	Họ và tên Full name	Năm sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Số hộ chiếu Passport No	Địa chỉ thường trú Address	Chức danh Position

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG
Director
(Ký tên, đóng dấu)

09611399

Phụ lục 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY TỜ

Cho tàu cá trở về và khôi phục hoạt động khai thác thủy sản
tại vùng biển Việt Nam

Kính gửi: - Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh

Tôi tên là:.....

Số CMND (hoặc số hộ chiếu):..... Nơi cấp:..... Ngày cấp:.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Là chủ tàu mang số đăng ký:

Ngày.... /.... /..... Tôi được Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho phép
tàu đi khai thác thủy sản tại vùng biển..... theo Giấy phép cho tàu
đi khai thác thủy sản tại ngoài vùng biển Việt Nam số:..... Sau khi thực hiện
đúng các nội dung ghi trong Giấy phép, nay, tôi muốn đưa tàu về và khôi phục lại
hoạt động khi khai thác thủy sản tại vùng biển Việt Nam, đề nghị các Quý cơ quan
xem cho phép tàu số:..... quay về Việt Nam, thực hiện công tác
kiểm tra an toàn kỹ thuật để khôi phục lại hoạt động khai thác thủy sản của tàu tại
vùng biển Việt Nam.

Hồ sơ gửi kèm:

1.

2.

09611343

3.
4.
5.
6.

XÁC NHẬN CƠ QUAN QUẢN LÝ
KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI
THỦY SẢN ĐỊA PHƯƠNG
(Ký tên đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7:

Phụ lục 7a:

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

SỔ NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

(NGHỀ CÂU)

Tên tàu:.....

Số đăng ký:....., Tổng công suất máy:.....

Số lưới câu: Chiều dài vàng câu:.....

Chuyến biển số: ; Ngày xuất bến: ngày tháng năm ; Ngày về bến: ngày tháng năm

Mê câu thứ	Thời gian thả câu (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu khi thả câu (ghi đến phút)		Thời gian thu câu (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu khi thu câu (ghi đến phút)		Tổng sản lượng (kg)	Sản lượng các loài hải sản chủ yếu (kg)									
		Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ											

Chữ ký của thuyền trưởng

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

SỔ NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

(NGHỀ LƯỚI VÂY)

Tên tàu.....

Số đăng ký....., Tổng công suất máy:.....

Chiều dài giềng phao....., chiều cao lưới

Chuyến biển số: ; Ngày xuất bến: ngày tháng năm ; Ngày về bến: ngày tháng năm

Mê lưới thứ	Thời gian thả đèn (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu khi thả đèn (ghi đến phút)		Thời gian thả lưới (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Tổng sản lượng (kg)	Sản lượng các loài hải sản chủ yếu (kg)														
		Vĩ độ	Kinh độ																	

Chữ ký của thuyền trưởng

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

SỔ NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

(NGHỀ LƯỚI RÊ)

Tên tàu.....

Số tàu đăng ký....., Tổng công suất máy:.....

Chiều dài lưới:....., chiều cao lưới:.....

Chuyến biển số:

; Ngày xuất bến: ngày tháng năm ; Ngày về bến: ngày tháng năm

Mã lưới thứ	Thời gian thả lưới (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu khi thả lưới (ghi đến phút)		Thời gian thu lưới (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu khi thu lưới (ghi đến phút)		Tổng sản lượng (kg)	Sản lượng các loài hải sản chủ yếu (kg)									
		Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ											

Chữ ký của thuyền trưởng

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

SỔ NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

(NGHỀ LƯỚI KÉO/GIÃ CÀO)

Tên tàu.....

Số tàu đăng ký....., Tổng công suất máy:.....

Chiều dài giềng phao.....

Chuyến biên số:

; Ngày xuất bến: ngày tháng năm ; Ngày về bến: ngày tháng năm

Mê lưới thứ	Thời gian thả lưới (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu thả lưới (Chú ý ghi đến phút)		Thời gian thu lưới (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu thu lưới (Chú ý ghi đến phút)		Tổng sản lượng (kg)	Sản lượng các loài hải sản chủ yếu (kg)											
		Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ													

Chữ ký của thuyền trưởng

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

SỔ NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

(NGHỀ KHÁC)

Tên tàu.....

Số tàu đăng ký....., Tổng công suất máy:.....

Loại ngư cụ:..... Số lượng ngư cụ:.....

Chuyến biển số: ; Ngày xuất bến: ngày tháng năm ; Ngày về bến: ngày tháng năm

Mê thứ	Thời gian thả ngư cụ (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu khi thả ngư cụ (ghi đến phút)		Thời gian thu ngư cụ (giờ, phút, ngày, tháng, năm)	Vị trí tàu thu ngư cụ (ghi đến phút)		Tổng sản lượng (kg)	Sản lượng các loài hải sản chủ yếu (kg)																		
		Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ																				

Chữ ký của thuyền trưởng

Phụ lục 8

CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KHAI THÁC THỦY SẢN

Chủ tàu:..... Số đăng ký:..... Tổng công suất.....

Địa chỉ:.....

Làm nghề:..... Kích thước....., số lượng ngư cụ:

Tổng số lao động.....

Báo cáo tình hình khai thác chuyến biển số (hoặc tháng):..... từ ngày.... /.... /....
đến ngày..../..../.....

Số ngày thực tế khai thác:..... Số mẻ lưới bình quân trong ngày.....

Ngư trường khai thác chính:..... Sản lượng:.....

Doanh thu:..... Tổng chi phí:..... (dầu:..... thực phẩm:.....
bảo quản:..... lương:..... khác:.....)

BẢNG MỘT SỐ NHÓM THƯƠNG PHẨM CHÍNH

STT	Nhóm thương phẩm	Sản lượng	Doanh thu
Tổng			

CHỦ TÀU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần 1: Tình hình hoạt động khai thác thủy sản Quý: ...**1. Sản lượng:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (Tấn)	Kế hoạch năm	Thực hiện 2009		% thực hiện 2009	
				Sản lượng trong quý	Số lũy tiến đến hết quý	So kế hoạch	So cùng kỳ năm trước
I	Sản lượng						
1	Khai thác hải sản						
	Tôm						
	Cá						
	Mực						
	Khác						
2	Khai thác nội địa						

2. Một số yếu tố tác động đến hoạt động của đội tàu khai thác của địa phương

1. Các yếu tố về thời tiết, giá cả nguyên vật liệu phục vụ khai thác, giá cả sản phẩm khai thác được tác động đến hoạt động của các đội tàu.
2. Một số điểm nổi bật về hoạt động của một số đội tàu theo nghề, biến động của một số ngư trường, đối tượng khai thác chính.
3. Công tác kiểm tra, giám sát và chỉ đạo khai thác hải sản, và việc khắc phục những tồn tại, khó khăn;
4. Các kiến nghị đề xuất.

Phần 2: Thống kê số lượng tàu thuyền và cấp phép theo nghề, nhóm công suất

Tỉnh..... Tính đến ngày..... Tháng..... năm.....

TT	Nhóm nghề	Nhóm công suất (cv)														Tổng	
		< 20cv		20cv-50<		50cv-90<		90cv-150<		150cv-250<		250cv-400<		≥400		Số tàu	Đã cấp phép
		Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép				
1	Nghề lưới kéo																
	Lưới kéo đôi																
	Lưới kéo đơn																
2	Nghề lưới rê																
	Lưới càn (Rê trôi thu, ngư)																
	Lưới kén (lưới sỉ)																
	Lưới thung (Rê trôi tầng đáy)																
	Lưới ghe (Rê trôi tầng đáy)																
	Rê 3 lớp																
3	Nghề lưới vây																
	Vây đảo ngời (ngày, đêm)																
	Vây ánh sáng (có hoặc không chà)																

TT	Nhóm nghề	Nhóm công suất (cv)												Tổng			
		< 20cv		20cv-50<		50cv-90<		90cv-150<		150cv-250<		250cv-400<		≥400		Số tàu	Đã cấp phép
		Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép				
	Vây cá com (có hoặc không đèn)																
4	Nghề câu																
	Câu tay cá																
	Câu tay mực ống																
	Câu tay mực xà																
	Câu vàng cá ngừ																
	Câu vàng tầng đáy																
5	Các nghề khác																
	Pha xúc																
	Vó mảnh																
	Chụp mực																
	Bẫy ghe																
	Bẫy mực																
	Bẫy rập																
	Đăng																

TT	Nhóm nghề	Nhóm công suất (cv)														Tổng	
		< 20cv		20cv-50<		50cv-90<		90cv-150<		150cv-250<		250cv-400<		≥400		Số tàu	Đã cấp phép
		Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép	Số tàu	Đã cấp phép				
	Đáy biên hàng cạn và hàng khơi																
	Đáy sông và cửa sông																
	Lặn																
	Te, xiệp																
	Cào ghêu lựa																
	Nghề khác.....																
6	Dịch vụ HC nghề cá																
7	Tàu kiểm ngư																
	Tổng																

Chú thích: Chỉ thống kê những nghề mà tỉnh có hoặc bổ sung thêm những nghề trong bảng mẫu chưa đưa ra.